

Số: 1635/QĐ-BCT

Hà Nội, ngày 28 tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp do Bộ Công Thương là cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp do Bộ Công Thương là cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 4676/QĐ-BCT ngày 30 tháng 11 năm 2016 của Bộ Công Thương ban hành Quy chế quản lý người đại diện đối với phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp do Bộ Công Thương là cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Thủ trưởng các đơn vị liên quan và người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại các Tổng công ty, Công ty thuộc Bộ Công Thương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo Bộ;
- Các Vụ, Cục, Tổng cục, TTBộ, VPBộ;
- Các Tổng công ty, Công ty thuộc Bộ;
- Công đoàn Công Thương Việt Nam;
- Đảng ủy Bộ Công Thương;
- Lưu: VT, TCCB.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**
Cao Quốc Hưng

QUY CHẾ

**Quản lý người giữ chức danh, chức vụ
và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp do Bộ Công Thương
là cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 635/QĐ-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2021
của Bộ Công Thương)*

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về:

1. Đánh giá, quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu đối với người giữ chức danh, chức vụ và Kiểm soát viên tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.
2. Đánh giá, cử, cử lại, cho thôi đại diện phần vốn nhà nước, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu và quản lý hồ sơ đối với người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp do Bộ Công Thương là cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước.
3. Việc thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước theo quy định

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với:

1. Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.
2. Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết; Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ không quá 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (sau đây gọi là doanh nghiệp có phần vốn nhà nước).
3. Người giữ chức danh, chức vụ tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (sau đây gọi là người quản lý doanh nghiệp nhà nước), bao gồm: Chủ tịch Hội đồng thành viên; Chủ tịch công ty (đối với công ty không có Hội đồng thành viên); Thành viên Hội đồng thành viên; Tổng giám đốc; Giám đốc; Phó tổng giám đốc; Phó giám đốc; Kế toán trưởng.
4. Kiểm soát viên tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (sau đây gọi là Kiểm soát viên).
5. Người đại diện phần vốn nhà nước được Bộ Công Thương cử làm đại diện tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số

cổ phần có quyền biểu quyết và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ không quá 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (sau đây gọi là người đại diện phần vốn nhà nước).

6. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng người quản lý doanh nghiệp nhà nước, Kiểm soát viên, người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp do Bộ Công Thương là đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Doanh nghiệp tại Quy chế này được hiểu là các công ty do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết; Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ không quá 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (sau đây gọi là doanh nghiệp có phần vốn nhà nước), doanh nghiệp có vốn góp của nhà nước do Bộ Công Thương làm đại diện chủ sở hữu là công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên.

2. Người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp (sau đây gọi tắt là Người đại diện) là người được Bộ Công Thương cử làm đại diện một phần hoặc toàn bộ vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp để thực hiện toàn bộ hoặc một số quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của cổ đông nhà nước hoặc thành viên góp vốn tại doanh nghiệp theo quy định của pháp luật và quy định của Bộ Công Thương.

3. Cấp có thẩm quyền là cấp có quyền quyết định:

a) Đánh giá, quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu đối với người quản lý doanh nghiệp nhà nước, Kiểm soát viên;

b) Đánh giá, cử, cử lại, cho thôi đại diện phần vốn nhà nước, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu đối với người đại diện phần vốn nhà nước.

4. Cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước trong Quy chế này là Bộ Công Thương sau đây gọi là cơ quan đại diện chủ sở hữu hoặc Bộ Công Thương.

5. Cơ quan tham mưu là cơ quan, bộ phận làm công tác tổ chức cán bộ của các đơn vị thuộc Bộ và của Bộ Công Thương.

6. Tập thể Lãnh đạo doanh nghiệp bao gồm Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc; Giám đốc; Phó tổng giám đốc; Phó giám đốc và cấp ủy cùng cấp.

7. Kiểm soát viên là người thuộc thẩm quyền quản lý của cơ quan đại diện chủ sở hữu, được cơ quan đại diện chủ sở hữu bổ nhiệm, làm việc theo chế độ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm.

Điều 4. Nguyên tắc quản lý người quản lý doanh nghiệp nhà nước, Kiểm soát viên, người đại diện phần vốn nhà nước

1. Bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất của Đảng trong công tác quản lý, sử

dụng người quản lý doanh nghiệp nhà nước, Kiểm soát viên, người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

2. Bảo đảm tuân thủ đúng quy định của pháp luật về doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

3. Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, phân định rõ trách nhiệm của tập thể và trách nhiệm cá nhân, đặc biệt là trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác cán bộ.

4. Trường hợp người quản lý doanh nghiệp nhà nước, Kiểm soát viên, người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp kiêm nhiệm nhiều chức danh, chức vụ khác nhau phải bảo đảm không được xung đột lợi ích.

5. Trường hợp luật có quy định khác về quản lý, sử dụng người quản lý doanh nghiệp nhà nước, Kiểm soát viên, người đại diện phần vốn nhà nước khác với quy định tại quy chế này thì thực hiện theo quy định của luật đó.

Chương II

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH VÀ KIỂM NHIỆM ĐỐI VỚI NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP, KIỂM SOÁT VIÊN, NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC

Điều 5. Thẩm quyền và trách nhiệm của Bộ Công Thương về quản lý cán bộ của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và doanh nghiệp có phần vốn nhà nước

1. Đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thuộc thẩm quyền thành lập của Thủ tướng Chính phủ:

- a) Quyết định đánh giá Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty;
- b) Quyết định quy hoạch Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty sau khi có ý kiến của Bộ Nội vụ;
- c) Quyết định đánh giá, quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, chấp thuận từ chức, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu đối với thành viên Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên;
- d) Có ý kiến trước khi Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty quyết định quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, chấp thuận từ chức, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu đối với Tổng giám đốc, Giám đốc; Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ báo cáo xin ý kiến Ban Cán sự đảng Chính phủ trước khi có văn bản chấp thuận để Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty quyết định bổ nhiệm Tổng giám đốc, Giám đốc theo quy định tại điều lệ của doanh nghiệp và pháp luật có liên quan;
- đ) Phê duyệt chủ trương theo đề nghị của Hội đồng thành viên về việc bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc, Phó giám đốc.

2. Đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thuộc thẩm quyền thành lập của Bộ Công Thương:

a) Quyết định đánh giá, quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, chấp thuận từ chức, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu đối với Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, thành viên Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên;

b) Có ý kiến trước khi Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty quyết định quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, chấp thuận từ chức, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu đối với Tổng giám đốc, Giám đốc;

c) Phê duyệt chủ trương theo đề nghị của Hội đồng thành viên về việc bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc, Phó giám đốc.

3. Đối với doanh nghiệp có phần vốn nhà nước do Bộ Công Thương làm đại diện chủ sở hữu:

a) Quyết định đánh giá, cử, cử lại, giao nhiệm vụ, cho thôi đại diện phần vốn nhà nước, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu đối với người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp:

- Giới thiệu đề bầu hoặc đề nghị miễn nhiệm người đại diện giữ các chức danh: Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban kiểm soát, kiểm soát viên tổng công ty, công ty hoặc Chủ tịch công ty;

- Giới thiệu đề bổ nhiệm hoặc đề nghị miễn nhiệm người đại diện giữ các chức danh: Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc tổng công ty; Giám đốc, Phó Giám đốc công ty;

- Ủy quyền cho người đại diện tham gia ý kiến, biểu quyết và quyết định tại Đại hội đồng cổ đông hoặc các cuộc họp Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ doanh nghiệp để giới thiệu người đại diện giữ các chức danh, chức vụ trong doanh nghiệp.

b) Quyết định về số lượng, thành phần, cơ cấu người đại diện tại doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, phù hợp với Điều lệ của doanh nghiệp, phù hợp với đặc điểm cụ thể của từng doanh nghiệp có phần vốn nhà nước theo các căn cứ sau:

- Quy mô vốn điều lệ của doanh nghiệp;
- Tỷ lệ phần vốn Nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp;
- Ngành nghề kinh doanh và đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp;
- Chiến lược và mục tiêu phát triển doanh nghiệp theo định hướng của nhà nước;
- Các quy định khác của pháp luật.

c) Trường hợp Bộ Công Thương cử 02 (hai) người đại diện trở lên thì Bộ Công Thương xác định cụ thể phần vốn góp, số cổ phần cho mỗi người đại diện tại doanh nghiệp và giao cho một người đại diện chịu trách nhiệm phụ trách (gọi tắt là người đại diện phụ trách).

d) Việc cử người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp được thực hiện bằng văn bản, quy định rõ các nội dung sau:

- Số lượng cổ phần;
- Giá trị vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp;
- Tỷ lệ phần vốn nhà nước so với vốn điều lệ của doanh nghiệp (%);
- Những nội dung khác (nếu có).

4. Ngoài thẩm quyền và trách nhiệm của Bộ Công Thương về quản lý cán bộ của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và doanh nghiệp có phần vốn nhà nước nêu trên, cơ quan đại diện chủ sở hữu còn có quyền và trách nhiệm về quản lý cán bộ của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Nhiệm vụ đối với người quản lý doanh nghiệp nhà nước, Kiểm soát viên và người đại diện phần vốn nhà nước

1. Việc kiêm nhiệm các chức danh, chức vụ khác của người quản lý doanh nghiệp nhà nước được quy định như sau:

a) Thành viên Hội đồng thành viên không được kiêm nhiệm các chức danh quản lý của doanh nghiệp mình, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này;

b) Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Giám đốc, Kế toán trưởng không được kiêm nhiệm các chức danh quản lý của doanh nghiệp mình và các doanh nghiệp khác; Chủ tịch công ty có thể kiêm nhiệm Tổng giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp mình nhưng không được kiêm nhiệm các chức danh quản lý của doanh nghiệp khác;

c) Các thành viên khác của Hội đồng thành viên (không bao gồm Chủ tịch Hội đồng thành viên) có thể kiêm Tổng giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp mình hoặc doanh nghiệp khác không phải là doanh nghiệp thành viên theo quyết định của cơ quan đại diện chủ sở hữu;

d) Phó Tổng giám đốc, Phó giám đốc được kiêm nhiệm các chức danh: Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch công ty ở doanh nghiệp thành viên, nhưng không quá 03 chức danh;

đ) Người quản lý doanh nghiệp nhà nước không là cán bộ, công chức, viên chức.

2. Việc kiêm nhiệm các chức danh, chức vụ khác của Kiểm soát viên được quy định như sau:

a) Trưởng Ban kiểm soát, Kiểm soát viên không được là người quản lý công ty và người quản lý tại doanh nghiệp khác; không được là Kiểm soát viên của doanh nghiệp không phải là doanh nghiệp nhà nước; không phải là người lao động của công ty;

b) Một cá nhân có thể đồng thời được bổ nhiệm làm Trưởng Ban kiểm

soát, Kiểm soát viên của không quá 04 doanh nghiệp nhà nước.

3. Việc kiêm nhiệm các chức danh, chức vụ khác của người đại diện phần vốn nhà nước được quy định như sau:

- a) Người đại diện phần vốn nhà nước chuyên trách chỉ được tham gia đại diện phần vốn nhà nước tại 01 doanh nghiệp;
- b) Người đại diện phần vốn nhà nước không chuyên trách có thể tham gia đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp khác cùng cơ quan đại diện chủ sở hữu, nhưng không quá 03 doanh nghiệp;
- c) Người đại diện phần vốn nhà nước không được kiêm nhiệm đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp khác cơ quan đại diện chủ sở hữu;
- d) Người đại diện phần vốn nhà nước không là cán bộ, công chức, viên chức.

Chương III

ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CHẤT LƯỢNG HÀNG NĂM ĐỐI VỚI NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC, KIỂM SOÁT VIÊN, NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC

Điều 7. Đánh giá, xếp loại chất lượng

Nội dung đánh giá, xếp loại chất lượng, trách nhiệm, thời điểm, căn cứ, trình tự, thủ tục, tiêu chí đánh giá, xếp loại chất lượng đánh giá đối với người quản lý doanh nghiệp nhà nước, Kiểm soát viên, người đại diện phần vốn nhà nước được thực hiện hàng năm theo quy định tại Chương III Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Điều 8. Thẩm quyền đánh giá, xếp loại chất lượng

- 1. Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty xem xét, quyết định đánh giá, xếp loại chất lượng đối với người quản lý doanh nghiệp theo thẩm quyền, gửi báo cáo tổng hợp kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng về Bộ Công Thương.
- 2. Bộ Công Thương xem xét, quyết định đánh giá, xếp loại chất lượng đối với Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, người đại diện phần vốn nhà nước.

Chương IV

QUY HOẠCH ĐỐI VỚI NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC, KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 9. Nguyên tắc, điều kiện thực hiện quy hoạch và chuẩn bị trước khi thực hiện quy hoạch

- 1. Mỗi giai đoạn 05 năm chỉ xây dựng quy hoạch một lần, được rà soát, bổ sung hàng năm, bảo đảm nguyên tắc động và mở. Vào đầu năm thứ 2 của giai đoạn thì xây dựng quy hoạch cho giai đoạn sau.

2. Công tác quy hoạch phải bảo đảm nghiêm túc, khách quan; phương thức tổ chức khoa học, chính xác, tiết kiệm, hiệu quả, bảo đảm lựa chọn được người đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện.

3. Việc thực hiện công tác quy hoạch phải phù hợp với các quy định của Đảng, Nhà nước và của Bộ Công Thương.

4. Nhân sự được xem xét để đưa vào quy hoạch:

a) Phải đáp ứng tiêu chuẩn chung của Đảng, Nhà nước và cơ bản đáp ứng đủ tiêu chuẩn của từng chức danh quản lý do cấp có thẩm quyền ban hành;

b) Phải căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ của doanh nghiệp;

c) Phải đánh giá về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, trình độ, năng lực thực tiễn, chiều hướng và triển vọng phát triển trước khi đưa vào quy hoạch;

d) Không đang trong thời gian xem xét xử lý kỷ luật, thi hành quyết định kỷ luật, điều tra, truy tố, xét xử.

5. Đối với nhân sự đang giữ chức danh quản lý thì chỉ quy hoạch vào chức danh cao hơn và phải đủ tuổi (tính theo tháng) để công tác được ít nhất 01 nhiệm kỳ, tính từ thời điểm cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch.

6. Việc quy hoạch Kiểm soát viên do cơ quan đại diện chủ sở hữu thực hiện và quyết định theo thẩm quyền.

7. Chuẩn bị trước khi thực hiện quy trình quy hoạch

Vào năm đầu của từng giai đoạn 05 năm, Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty phải chỉ đạo, hướng dẫn doanh nghiệp thành viên xây dựng quy hoạch đối với các chức danh được phân cấp quản lý làm cơ sở để lựa chọn nguồn quy hoạch cấp mình trực tiếp quản lý.

Điều 10. Các bước tiến hành quy hoạch

Các bước tiến hành quy hoạch được thực hiện theo quy định tại Điều 20, Điều 21, Điều 22, Điều 23 Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp và hướng dẫn của Bộ Công Thương.

Điều 11. Định kỳ rà soát, bổ sung quy hoạch

Hàng năm, Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty tiến hành rà soát, bổ sung quy hoạch một lần để xem xét, bổ sung các nhân sự mới vào quy hoạch và đưa ra khỏi quy hoạch những người không còn đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh quy hoạch. Thời điểm rà soát, bổ sung tiến hành sau khi có kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng hàng năm và hướng dẫn của Bộ Công Thương hoặc theo quyết định của Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty để đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp.

Điều 12. Quy trình rà soát, bổ sung, hồ sơ quy hoạch

Quy trình rà soát, bổ sung, hồ sơ quy hoạch quy hoạch được thực hiện theo quy định tại Điều 25, Điều 26 Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31

tháng 12 năm 2020 về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp và hướng dẫn của Bộ Công Thương.

Chương V

BỔ NHIỆM, BỔ NHIỆM LẠI VÀ ĐIỀU ĐỘNG, LUÂN CHUYỂN NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC, KIỂM SOÁT VIÊN

Mục 1

BỔ NHIỆM

Điều 13. Thời hạn giữ chức vụ

1. Thời hạn giữ chức vụ cho mỗi nhiệm kỳ bổ nhiệm của người quản lý doanh nghiệp nhà nước, Kiểm soát viên là 05 năm, tính từ thời điểm quyết định bổ nhiệm có hiệu lực. Trường hợp thời hạn giữ chức vụ dưới 05 năm thực hiện theo quyết định của Bộ Công Thương, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ theo quy định tại khoản 2, Điều 6 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước.

2. Trường hợp người quản lý doanh nghiệp nhà nước, Kiểm soát viên được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ mới tương đương chức vụ cũ trở lên thì thời hạn giữ chức vụ được tính từ ngày quyết định điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ mới có hiệu lực thi hành.

3. Trường hợp thay đổi chức danh quản lý do thay đổi tên gọi doanh nghiệp thì thời hạn giữ chức vụ được tính từ ngày quyết định bổ nhiệm theo chức vụ cũ theo tên gọi cũ của doanh nghiệp.

Điều 14. Điều kiện bổ nhiệm

1. Bảo đảm tiêu chuẩn chung theo quy định của Đảng, Nhà nước và tiêu chuẩn cụ thể của chức danh bổ nhiệm theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

2. Được quy hoạch vào chức danh bổ nhiệm đối với nguồn nhân sự tại chỗ hoặc được quy hoạch vào chức danh tương đương nếu là nguồn nhân sự từ nơi khác. Trường hợp doanh nghiệp mới thành lập chưa thực hiện việc phê duyệt quy hoạch thì do cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

3. Có hồ sơ, lý lịch cá nhân được xác minh, có bản kê khai tài sản, thu nhập theo quy định.

4. Tuổi bổ nhiệm:

a) Phải đủ tuổi (tính theo tháng) để công tác trọn một nhiệm kỳ của chức danh quản lý, tính từ khi thực hiện quy trình bổ nhiệm; trường hợp đặc biệt báo cáo Bộ Công Thương xem xét, quyết định;

b) Trường hợp do nhu cầu công tác mà được giao giữ chức vụ mới tương đương hoặc thấp hơn chức vụ đang giữ thì không tính tuổi bổ nhiệm theo quy định tại điểm a khoản này.

5. Đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

6. Không thuộc các trường hợp bị cấm đảm nhiệm chức vụ theo quy định của pháp luật.

7. Không trong thời hạn xử lý kỷ luật, đang bị điều tra, truy tố, xét xử. Trường hợp doanh nghiệp đang trong thời gian cơ quan có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra, Bộ Công Thương trao đổi với cơ quan thanh tra, kiểm tra về nhân sự được đề nghị bổ nhiệm trước khi quyết định.

Điều 15. Đề xuất chủ trương bổ nhiệm

1. Đối với bổ nhiệm người quản lý doanh nghiệp nhà nước:

a) Tập thể lãnh đạo doanh nghiệp họp thảo luận, quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền bổ nhiệm quyết định chủ trương, số lượng, nguồn nhân sự và dự kiến phân công công tác đối với nhân sự được bổ nhiệm;

b) Chậm nhất sau 15 ngày kể từ ngày có văn bản đồng ý về chủ trương bổ nhiệm của Bộ Công Thương, Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty phải tiến hành quy trình lựa chọn nhân sự theo quy định.

2. Đối với bổ nhiệm Kiểm soát viên:

a) Cơ quan tham mưu đề xuất bằng văn bản với cơ quan đại diện chủ sở hữu về chủ trương, dự kiến nhân sự bổ nhiệm;

b) Chậm nhất sau 15 ngày kể từ ngày có văn bản đồng ý về chủ trương bổ nhiệm, cơ quan tham mưu phải tiến hành quy trình điều động, bổ nhiệm Kiểm soát viên theo quy trình bổ nhiệm đối với nhân sự nguồn từ nơi khác.

Điều 16. Trình tự, thủ tục thực hiện bổ nhiệm đối với nguồn nhân sự tại chỗ, nguồn nhân sự từ nơi khác

Trình tự, thủ tục thực hiện bổ nhiệm đối với nguồn nhân sự tại chỗ, nguồn nhân sự từ nơi khác đối với người quản lý doanh nghiệp nhà nước, Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định tại Điều 30, Điều 31 Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp và quy định của Bộ Công Thương.

Điều 17. Bổ nhiệm trong trường hợp khác

1. Trường hợp sáp nhập, chia tách, tổ chức lại hoặc chuyển đổi loại hình doanh nghiệp:

a) Đối với người quản lý doanh nghiệp nhà nước, trường hợp chức danh, chức vụ đang giữ ở doanh nghiệp cũ tương đương hoặc cao hơn chức danh, chức vụ dự kiến đảm nhiệm ở doanh nghiệp mới thì Bộ Công Thương xem xét, quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định chuyển đổi chức danh, chức vụ theo chức danh, chức vụ ở doanh nghiệp mới.

Trường hợp chức danh, chức vụ người quản lý doanh nghiệp nhà nước đang giữ ở doanh nghiệp cũ thấp hơn chức danh, chức vụ dự kiến đảm nhiệm ở doanh nghiệp mới thì việc bổ nhiệm được thực hiện theo quy trình bổ nhiệm đối với nguồn nhân sự từ nơi khác.

b) Đối với Kiểm soát viên, Bộ Công Thương xem xét, quyết định bổ nhiệm lại Kiểm soát viên tại doanh nghiệp mới theo quy định.

2. Bộ Công Thương chủ trì thực hiện quy trình bổ nhiệm đối với các trường hợp sau:

a) Bổ nhiệm người quản lý doanh nghiệp nhà nước tại doanh nghiệp mới được thành lập;

b) Trường hợp thực hiện quy trình bổ nhiệm mà thời điểm đó nội bộ lãnh đạo doanh nghiệp mất đoàn kết, nhiều người vi phạm kỷ luật, nếu đơn vị chủ trì thực hiện quy trình bổ nhiệm sẽ thiếu khách quan;

c) Trường hợp vì thiên tai, tai nạn hoặc vì các lý do bất khả kháng khác mà doanh nghiệp không còn người lãnh đạo, quản lý.

3. Trường hợp doanh nghiệp chưa kiện toàn chức danh Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc, Giám đốc, căn cứ yêu cầu nhiệm vụ, Bộ Công Thương xem xét, quyết định và chịu trách nhiệm việc giao quyền Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc, Giám đốc hoặc giao phụ trách Hội đồng thành viên cho đến khi có quyết định bổ nhiệm chính thức của cấp có thẩm quyền. Thời gian giao quyền, giao phụ trách không tính vào thời gian giữ chức vụ khi được bổ nhiệm.

Quy trình giao quyền Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc, Giám đốc hoặc giao phụ trách Hội đồng thành viên như sau: Cơ quan tham mưu trình Thủ trưởng phụ trách đơn vị, trình Bộ trưởng trước khi lấy ý kiến bằng văn bản Ban Cán sự đảng Bộ Công Thương, sau khi có ý kiến của Ban Cán sự đảng, Cơ quan tham mưu trình Bộ trưởng ban hành quyết định.

Điều 18. Hồ sơ bổ nhiệm

1. Tờ trình về việc đề nghị bổ nhiệm do người đứng đầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ký.

2. Bảng tổng hợp kết quả kiểm phiếu kèm theo biên bản kiểm phiếu ở các bước trong quy trình bổ nhiệm.

3. Sơ yếu lý lịch do cá nhân tự khai theo mẫu quy định, được cấp có thẩm quyền xác nhận, có dán ảnh màu khổ 4x6 cm, chụp trong thời gian không quá 06 tháng.

4. Bản tự kiểm điểm đánh giá quá trình công tác 3 năm gần nhất.

5. Nhận xét, đánh giá của Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty.

6. Nhận xét, đánh giá của cấp ủy cùng cấp.

7. Kết luận của cấp ủy có thẩm quyền về tiêu chuẩn chính trị.

8. Nhận xét của chi ủy nơi cư trú đối với bản thân và gia đình. Trường hợp nơi cư trú của bản thân khác với nơi cư trú của gia đình thì phải lấy nhận xét của chi ủy nơi bản thân cư trú và nơi gia đình cư trú.

9. Bản kê khai tài sản, thu nhập theo mẫu quy định.

10. Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của tiêu chuẩn chức vụ, chức danh bổ nhiệm. Trường hợp nhân sự có bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp thì phải được công nhận tại Việt Nam theo quy định.

11. Giấy chứng nhận sức khỏe của cơ sở y tế có thẩm quyền cấp trong thời hạn 06 tháng.

12. Các kết luận kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại tố cáo và các tài liệu có liên quan (nếu có).

Mục 2

BỔ NHIỆM LẠI VÀ ĐIỀU ĐỘNG, LUÂN CHUYỂN

Điều 19. Bổ nhiệm lại

Thời điểm, thời hạn, điều kiện trình tự, thủ tục, hồ sơ thực hiện bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ người quản lý doanh nghiệp nhà nước, Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định tại Điều 35, Điều 36, Điều 37, Điều 38, Điều 39 Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp và quy định của Bộ Công Thương.

Điều 20. Điều động, luân chuyển

Đối tượng, phạm vi, quy trình, thời gian, chế độ chính sách và bố trí sau khi điều động, luân chuyển được thực hiện đối với người quản lý doanh nghiệp nhà nước, Kiểm soát viên quy định tại Điều 40, Điều 41, Điều 42, Điều 43, Điều 44 Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp và quy định của Bộ Công Thương.

Chương VI

CỬ, CỬ LẠI NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN, NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN VÀ CHẾ ĐỘ THÔNG TIN, BÁO CÁO

Mục 1

CỬ NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC

Điều 21. Thời hạn làm đại diện phần vốn nhà nước

1. Thời hạn cử người đại diện phần vốn nhà nước được xác định không quá nhiệm kỳ của Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị. Trường hợp người đại diện phần vốn nhà nước được Bộ Công Thương đề cử để bầu, bổ nhiệm chức danh quản lý giữa nhiệm kỳ của chức danh đó thì thời hạn làm đại diện phần vốn nhà nước là thời gian còn lại của nhiệm kỳ đó theo quy định của điều lệ doanh nghiệp.

2. Trường hợp người đại diện phần vốn nhà nước được cử đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp khác thì thời hạn làm đại diện phần vốn nhà nước được tính từ ngày quyết định cử đại diện phần vốn nhà nước tại doanh

nghiệp mới có hiệu lực thi hành và thời hạn làm đại diện phần vốn nhà nước là thời gian còn lại của nhiệm kỳ đó của doanh nghiệp.

3. Trường hợp thay đổi chức danh quản lý do thay đổi tên gọi doanh nghiệp thì thời hạn làm đại diện phần vốn nhà nước được tính từ ngày được cử đại diện phần vốn nhà nước theo chức danh cũ theo tên gọi cũ của doanh nghiệp.

Điều 22. Điều kiện cử làm người đại diện phần vốn nhà nước

1. Bảo đảm tiêu chuẩn chung theo quy định của Đảng, Nhà nước và tiêu chuẩn cụ thể theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

2. Có hồ sơ, lý lịch cá nhân được xác minh, có bản kê khai tài sản, thu nhập theo quy định.

3. Độ tuổi cử làm người đại diện

a) Phải đủ tuổi (tính theo tháng) để công tác hết nhiệm kỳ của Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị doanh nghiệp khi được cử làm người đại diện phần vốn nhà nước.

b) Trường hợp người đại diện do nhu cầu công tác mà được Bộ Công Thương cho thôi làm đại diện để cử làm người đại diện tại doanh nghiệp khác thuộc Bộ Công Thương thì tuổi của người cử làm đại diện không theo quy định tại điểm a khoản này.

4. Có đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ được giao do cơ quan y tế có thẩm quyền chứng nhận. Thời điểm chứng nhận sức khỏe đến ngày nộp hồ sơ không quá 06 tháng.

5. Không thuộc các trường hợp bị cấm đảm nhiệm chức vụ theo quy định của pháp luật.

6. Không trong thời hạn xử lý kỷ luật, đang bị điều tra, truy tố, xét xử, chấp hành hình phạt tù, thi hành quyết định kỷ luật. Trường hợp doanh nghiệp đang trong thời gian cơ quan có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra thì cấp có thẩm quyền trao đổi với cơ quan thanh tra, kiểm tra về nhân sự trước khi cử làm người đại diện phần vốn nhà nước.

Điều 23. Trình tự, thủ tục cử người đại diện phần vốn nhà nước

1. Căn cứ vào giá trị vốn của nhà nước, quy mô của doanh nghiệp và đối chiếu với điều kiện, tiêu chuẩn người đại diện phần vốn nhà nước, cơ quan tham mưu đề xuất với Bộ Công Thương về chủ trương, số lượng, cơ cấu, nguồn nhân sự và dự kiến nhân sự cụ thể để cử làm người đại diện phần vốn nhà nước, gồm các thông tin: Họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; quê quán; ngày vào Đảng (nếu là đảng viên); trình độ chuyên môn nghiệp vụ; trình độ lý luận chính trị (nếu có); trình độ ngoại ngữ, tin học; chức vụ lãnh đạo, quản lý đang đảm nhiệm; cơ quan, đơn vị đang công tác. Quy trình thực hiện chủ trương cử người đại diện phần vốn nhà nước như sau:

- Vụ Tổ chức cán bộ đề xuất chủ trương, số lượng, nguồn nhân sự và dự kiến phân công công tác đối với nhân sự được bổ nhiệm đáp ứng các tiêu chuẩn

điều kiện theo quy định.

- Lấy ý kiến của các Vụ, Cục theo dõi ngành, báo cáo Thứ trưởng phụ trách và Bộ trưởng trước khi trình Ban Cán sự đảng Bộ Công Thương.

- Sau khi có ý kiến của Ban Cán sự đảng Bộ Công Thương, Vụ Tổ chức cán bộ trình Lãnh đạo Bộ phê duyệt chủ trương (hoặc Vụ Tổ chức cán bộ ban hành văn bản khi được ủy quyền).

2. Sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương, Vụ Tổ chức cán bộ, Bộ Công Thương tiến hành các công việc sau:

a) Gặp nhân sự được dự kiến đề cử làm người đại diện phần vốn nhà nước để thống nhất cam kết tuân thủ các chủ trương, nghị quyết, chỉ đạo của Bộ Công Thương và việc thực hiện các vai trò, trách nhiệm, nghĩa vụ của người đại diện phần vốn nhà nước nếu được cử;

b) Trao đổi và lấy nhận xét, đánh giá của tập thể lãnh đạo nơi nhân sự đang công tác về chủ trương cử người đại diện phần vốn nhà nước; xác minh lý lịch của nhân sự.

3. Bộ Công Thương lấy ý kiến bằng văn bản của cấp ủy cùng cấp về nhân sự dự kiến đề cử làm người đại diện phần vốn nhà nước, xem xét, kết luận những vấn đề phát sinh (nếu có).

4. Vụ Tổ chức cán bộ trình Thứ trưởng Phụ trách, sau đó trình Bộ trưởng Bộ Công Thương trước khi trình Ban Cán sự đảng Bộ.

5. Báo cáo Ban Cán sự đảng Bộ Công Thương.

6. Vụ Tổ chức cán bộ trình Bộ trưởng Bộ Công Thương (hoặc Lãnh đạo Bộ được ủy quyền) ký quyết định cử người đại diện phần vốn nhà nước.

7. Sau khi ban hành quyết định cử người đại diện, Bộ Công Thương gửi văn bản thông báo việc cử người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp và giới thiệu người đại diện tham gia ứng cử các chức danh quản lý, điều hành doanh nghiệp để doanh nghiệp xem xét quyết định theo quy định của pháp luật và Điều lệ doanh nghiệp.

Điều 24. Hồ sơ cử người đại diện phần vốn nhà nước

1. Tờ trình về việc đề nghị cử người đại diện phần vốn nhà nước do người đứng đầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ký.

2. Sơ yếu lý lịch do cá nhân tự khai theo mẫu quy định, được cấp có thẩm quyền xác nhận, có dán ảnh màu khổ 4x6 cm, chụp trong thời gian không quá 06 tháng.

3. Bản tự kiểm điểm đánh giá quá trình công tác 3 năm gần nhất.

4. Nhận xét, đánh giá của tập thể lãnh đạo và cấp ủy cơ quan, tổ chức đang quản lý người được đề nghị cử làm người đại diện phần vốn nhà nước.

5. Kết luận của cấp ủy có thẩm quyền về tiêu chuẩn chính trị.

6. Nhận xét của chi ủy nơi cư trú đối với bản thân và gia đình. Trường

hợp nơi cư trú của bản thân khác với nơi cư trú của gia đình thì phải lấy nhận xét của chỉ ủy nơi bản thân cư trú và nơi gia đình cư trú.

7. Bản kê khai tài sản, thu nhập theo mẫu quy định.

8. Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của tiêu chuẩn chức vụ, chức danh bổ nhiệm. Trường hợp nhân sự có bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp thì phải được công nhận tại Việt Nam theo quy định.

9. Giấy chứng nhận sức khỏe của cơ sở y tế có thẩm quyền cấp trong thời hạn 06 tháng.

10. Bản cam kết tuân thủ các chủ trương, nghị quyết, chỉ đạo của chủ sở hữu và việc thực hiện các vai trò, trách nhiệm, nghĩa vụ của người đại diện phần vốn nhà nước với chủ sở hữu đã được cơ quan đại diện chủ sở hữu thông qua.

Mục 2

CỬ LẠI NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC

Điều 25. Điều kiện cử lại người đại diện phần vốn nhà nước

1. Người đại diện phần vốn nhà nước được cử lại làm người đại diện nếu đáp ứng các điều kiện sau:

a) Được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ trong thời hạn làm nhiệm vụ người đại diện phần vốn nhà nước;

b) Đáp ứng đủ điều kiện cử làm người đại diện phần vốn nhà nước quy định tại các khoản 1, 2, 4, 5 và khoản 6 Điều 22 Quy chế này.

2. Trường hợp người đại diện phần vốn nhà nước không đủ tuổi công tác hết nhiệm kỳ của Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị doanh nghiệp thì thời gian cử lại làm người đại diện phần vốn nhà nước được tính đến khi đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định như sau:

Đối với người đại diện còn từ đủ 02 năm công tác trở lên nếu được bổ nhiệm lại thì phải thực hiện quy trình bổ nhiệm lại theo quy định.

Đối với trường hợp còn dưới 02 năm công tác, thì Bộ phận đại diện vốn nhà nước, người đứng đầu doanh nghiệp và tập thể lãnh đạo thảo luận, xem xét, nếu người đại diện còn đủ sức khỏe, uy tín, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ thì thống nhất biểu quyết (bằng phiếu kín), lập tờ trình gửi cấp có thẩm quyền xem xét, kéo dài thời gian giữ chức vụ cho đến thời điểm đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định mà không phải thực hiện quy trình bổ nhiệm lại.

Điều 26. Trình tự, thủ tục cử lại người đại diện phần vốn nhà nước

1. Chậm nhất 90 ngày trước ngày hết thời gian cử làm người đại diện theo quy định, người đại diện phần vốn nhà nước làm báo cáo tự nhận xét, đánh giá việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ trong thời hạn làm đại diện phần vốn nhà nước gửi Bộ Công Thương.

2. Bộ Công Thương lấy ý kiến bằng văn bản của cấp ủy cùng cấp về nhân sự dự kiến cử lại làm người đại diện phần vốn nhà nước, xem xét, kết luận

những vấn đề phát sinh (nếu có).

3. Vụ Tổ chức cán bộ trình Thứ trưởng phụ trách, sau đó trình Bộ trưởng Bộ Công Thương trước khi trình Ban Cán sự đảng Bộ.

4. Báo cáo Ban Cán sự đảng Bộ Công Thương.

5. Vụ Tổ chức cán bộ trình Bộ trưởng Bộ Công Thương (hoặc Lãnh đạo Bộ được ủy quyền) ký quyết định cử người đại diện phần vốn nhà nước.

6. Sau khi ban hành quyết định cử lại người đại diện, Bộ Công Thương gửi văn bản thông báo việc cử lại người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Trường hợp người đại diện phần vốn nhà nước không được cử lại, Bộ Công Thương có trách nhiệm phối hợp với doanh nghiệp bố trí công tác khác hoặc giải quyết chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.

Điều 27. Hồ sơ cử lại người đại diện phần vốn nhà nước

1. Tờ trình về việc đề nghị cử lại làm người đại diện phần vốn nhà nước do người đứng đầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ký.

2. Sơ yếu lý lịch do cá nhân tự khai theo mẫu quy định, được cấp có thẩm quyền xác nhận, có dán ảnh màu khổ 4x6 cm, chụp trong thời gian không quá 06 tháng.

3. Bản tự nhận xét đánh giá việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ trong thời hạn làm người đại diện phần vốn nhà nước.

4. Nhận xét, đánh giá của cơ quan đại diện chủ sở hữu.

5. Kết luận của cấp ủy có thẩm quyền về tiêu chuẩn chính trị.

6. Nhận xét của chi ủy nơi cư trú đối với bản thân và gia đình. Trường hợp nơi cư trú của bản thân khác với nơi cư trú của gia đình thì phải lấy nhận xét của chi ủy nơi bản thân cư trú và nơi gia đình cư trú.

7. Bản kê khai tài sản, thu nhập theo mẫu quy định.

8. Giấy chứng nhận sức khỏe của cơ sở y tế có thẩm quyền cấp trong thời hạn 06 tháng.

Mục 3

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN, NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN VÀ CHẾ ĐỘ THÔNG TIN, BÁO CÁO

Điều 28. Nhiệm vụ của người đại diện

1. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của cổ đông Nhà nước hoặc đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp do Bộ Công Thương giao theo quy định pháp luật và Điều lệ doanh nghiệp. Người đại diện phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Bộ Công Thương về thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, nghĩa vụ của người đại diện và các nhiệm vụ khác do chủ sở hữu giao. Người đại diện có trách nhiệm chủ động nghiên cứu, có ý kiến cụ thể, có quan

điểm đối với các nội dung thuộc hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, hoạt động quản lý, điều hành của người quản lý doanh nghiệp phải báo cáo, xin ý kiến Bộ Công Thương.

2. Người đại diện phải xin ý kiến Bộ Công Thương bằng văn bản về những nội dung thuộc quyền, trách nhiệm của chủ sở hữu Nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định của pháp luật để Bộ Công Thương xem xét quyết định và có ý kiến chỉ đạo, trước khi người đại diện tham gia ý kiến, biểu quyết, quyết định các vấn đề của doanh nghiệp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc các cuộc họp Hội đồng quản trị/ Hội đồng thành viên. Cụ thể như sau:

a) Đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ từ 36% vốn điều lệ trở lên, người đại diện phải báo cáo, xin ý kiến cơ quan đại diện chủ sở hữu trước khi tham gia ý kiến, biểu quyết, quyết định tại Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ của doanh nghiệp về các nội dung sau đây:

- Mục tiêu, nhiệm vụ và ngành, nghề kinh doanh; tổ chức lại, giải thể và yêu cầu phá sản doanh nghiệp;

- Điều lệ, sửa đổi và bổ sung điều lệ doanh nghiệp;

- Việc tăng hoặc giảm vốn điều lệ; thời điểm và phương thức huy động vốn; loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; việc mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại trong năm tài chính;

- Việc đề cử đề bầu, kiến nghị miễn nhiệm, khen thưởng, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị/Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát. Đề cử đề bổ nhiệm, kiến nghị miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc (Giám đốc) doanh nghiệp; thù lao, tiền lương, tiền thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc); số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc);

- Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư hàng năm; chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư trung và dài hạn của doanh nghiệp; danh mục các dự án nhóm A, B hàng năm;

- Chủ trương góp vốn, nắm giữ, tăng, giảm vốn của doanh nghiệp tại công ty con; thành lập, tổ chức lại, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện và các đơn vị hạch toán phụ thuộc khác; việc tiếp nhận doanh nghiệp tự nguyện làm công ty con, công ty liên kết;

- Chủ trương mua, bán tài sản và hợp đồng vay, cho vay có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ doanh nghiệp; chủ trương vay nợ nước ngoài của doanh nghiệp;

- Báo cáo tài chính, phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ, mức cổ tức hàng năm;

- Chế độ tuyển dụng, chế độ thù lao, tiền lương, tiền thưởng của doanh

nghiệp;

- Các hợp đồng, giao dịch phát sinh giữa doanh nghiệp và người đại diện, thành viên Hội đồng quản trị/ Hội đồng thành viên, thành viên Ban giám đốc và người có liên quan của thành phần này trừ trường hợp có cổ phần được mua khi doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa;

- Xây dựng, sửa đổi, bổ sung các quy chế nội bộ doanh nghiệp về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị/ Hội đồng thành viên, phân cấp giữa Hội đồng quản trị/ Hội đồng thành viên và Ban giám đốc của doanh nghiệp; quản lý tài chính; đầu tư; hệ thống định mức về kinh doanh, tiền lương;

- Đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ không quá 50% vốn điều lệ; doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ, người đại diện phải xin ý kiến, đề nghị Bộ Công Thương chấp thuận, ủy quyền và giao nhiệm vụ cho người đại diện quyết định biểu quyết;

- Các vấn đề khác về nhiệm vụ của người đại diện phần vốn nhà nước theo quy chế này không trái với quy định tại Điều 48 Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và quy định của pháp luật có liên quan;

- Các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ doanh nghiệp.

b) Đối với doanh nghiệp nhà nước nắm giữ không quá 36% vốn điều lệ: người đại diện xin ý kiến và đề nghị Bộ Công Thương giao nhiệm vụ cho người đại diện quyết định biểu quyết những nội dung:

- Mục tiêu, nhiệm vụ và ngành, nghề kinh doanh; tổ chức lại, giải thể và yêu cầu phá sản doanh nghiệp;

- Điều lệ, sửa đổi và bổ sung điều lệ doanh nghiệp;

- Việc tăng hoặc giảm vốn điều lệ; thời điểm và phương thức huy động vốn; loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; việc mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại trong năm tài chính;

- Việc đề cử đề bầu, kiến nghị miễn nhiệm, khen thưởng, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị/Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát. Đề cử đề bổ nhiệm, kiến nghị miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc (Giám đốc) doanh nghiệp; thù lao, tiền lương, tiền thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc); số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Phó tổng giám đốc (Phó giám đốc);

- Chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm của doanh nghiệp;

- Chủ trương thành lập công ty con; thành lập, tổ chức lại, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện;

- Chủ trương đầu tư, mua, bán tài sản và hợp đồng vay, cho vay có giá trị

bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính tại thời điểm công bố gần nhất của doanh nghiệp hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ doanh nghiệp;

- Báo cáo tài chính, việc phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ, mức cổ tức hàng năm của doanh nghiệp;

- Các vấn đề khác theo quy định tại quy chế này và không trái với quy định tại Điều 48 Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và quy định của pháp luật có liên quan, thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng thành viên doanh nghiệp;

- Các vấn đề khác về nhiệm vụ của người đại diện phần vốn nhà nước theo quy chế này không trái với quy định tại Điều 48 Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và quy định của pháp luật có liên quan.

3. Người đại diện thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Quy chế này, thường xuyên thu thập thông tin, nắm bắt tình hình tổ chức, hoạt động tại doanh nghiệp, cung cấp thông tin, hiệu quả sử dụng vốn nhà nước và kịp thời báo cáo khi phát sinh những vấn đề đột xuất tại doanh nghiệp ảnh hưởng đến quyền lợi của Nhà nước.

4. Tham gia ứng cử, đề cử để vào bộ máy quản lý, điều hành của doanh nghiệp (Hội đồng quản trị/ Hội đồng thành viên, Ban Kiểm soát, Ban điều hành) khi được Bộ Công Thương yêu cầu ứng cử, đề cử và thực hiện đúng các quyền, trách nhiệm của người quản lý, điều hành doanh nghiệp theo quy định.

5. Trường hợp doanh nghiệp có từ 02 người đại diện trở lên:

- Người đại diện được Bộ Công Thương giao là người đại diện phụ trách chung chịu trách nhiệm tổng hợp các ý kiến tham gia, các số liệu của các người đại diện vào các báo cáo, chương trình kế hoạch công tác của Bộ phận đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp để gửi Bộ Công Thương, bao gồm cả chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động chung của các người đại diện.

- Bộ phận đại diện vốn nhà nước tại doanh nghiệp phải thống nhất thực hiện biểu quyết theo ý kiến chỉ đạo hoặc chấp thuận của Bộ Công Thương. Đối với những nội dung không phải xin ý kiến Bộ Công Thương, người đại diện phụ trách chung có trách nhiệm trao đổi, thống nhất ý kiến với các người đại diện khác tại doanh nghiệp trước khi quyết định, biểu quyết; trường hợp không thống nhất, người đại diện phụ trách chung phải báo cáo đầy đủ các ý kiến khác nhau để Bộ Công Thương xem xét, có ý kiến chỉ đạo.

- Bộ phận đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp phải xây dựng Quy chế hoạt động và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các người đại diện tại doanh nghiệp trình Bộ Công Thương phê duyệt trước khi ban hành.

Điều 29. Quyền của người đại diện

1. Được Bộ Công Thương xem xét giới thiệu tham gia Hội đồng quản trị/ Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, Ban điều hành doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác có

liên quan.

2. Được Bộ Công Thương ủy quyền tham gia ý kiến và biểu quyết tại cuộc họp theo số cổ phần (mức vốn) được ủy quyền đại diện.

3. Được hưởng tiền lương, tiền thưởng, thù lao và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

4. Được tham gia các chương trình đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, cập nhật thông tin do Bộ Công Thương tổ chức.

5. Được đề nghị Bộ Công Thương tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện nhiệm vụ được giao; giải quyết chế độ, chính sách đối với Người đại diện theo quy định của pháp luật khi được thôi làm đại diện.

6. Các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 30. Nghĩa vụ của người đại diện

1. Người đại diện có nghĩa vụ tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ doanh nghiệp do mình làm người đại diện và các quy định của Bộ Công Thương trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao; giữ gìn bí mật thông tin, bí quyết kinh doanh của doanh nghiệp; bảo vệ quyền và lợi ích của Nhà nước tại doanh nghiệp. Không lợi dụng quyền hạn được giao, lạm dụng chức vụ gây cản trở hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; không chiếm dụng tài sản của doanh nghiệp để tư lợi cá nhân hoặc gây thiệt hại cho doanh nghiệp. Người đại diện tại công ty cổ phần, công ty TNHH 2 thành viên trở lên và các doanh nghiệp khác theo quy định phải nghiên cứu, thực hiện, có ý kiến tại doanh nghiệp theo các quy định của nhà nước về quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

2. Đối với nội dung phải xin ý kiến cơ quan đại diện chủ sở hữu thì sau khi có ý kiến chấp thuận của cơ quan đại diện chủ sở hữu, người đại diện phải tham gia ý kiến, biểu quyết, quyết định theo đúng ý kiến chỉ đạo bằng văn bản của cơ quan đại diện chủ sở hữu. Trường hợp có nội dung phát sinh thêm chưa xin được ý kiến chỉ đạo thì đề nghị cuộc họp cho biểu quyết, quyết định sau.

3. Người đại diện được Bộ Công Thương giới thiệu tham gia ứng cử, đề cử vào bộ máy quản lý, điều hành doanh nghiệp phải thực hiện nhiệm vụ theo ý kiến chỉ đạo của Bộ Công Thương và thực hiện các quyền, trách nhiệm của người quản lý, điều hành doanh nghiệp theo quy định pháp luật, Điều lệ doanh nghiệp, bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của doanh nghiệp và chủ sở hữu.

4. Phải thường xuyên theo dõi, thu thập thông tin về tình hình hoạt động và kết quả sản xuất kinh doanh; giám sát tình hình tài chính; gửi các báo cáo định kỳ (quý, năm), báo cáo bất thường và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Bộ Công Thương, các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Đặc biệt, kịp thời báo cáo những thông tin về phát sinh đột xuất, hoạt động bất thường, vi phạm pháp luật của doanh nghiệp và khuyến cáo doanh nghiệp thua lỗ, không đảm bảo khả năng thanh toán, không hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ do Bộ Công Thương giao.

5. Theo dõi, giám sát, đôn đốc thu hồi công nợ và các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước tại doanh nghiệp.

6. Phải chịu trách nhiệm và bồi thường vật chất khi gây thiệt hại cho Nhà nước do thiếu trách nhiệm, lợi dụng nhiệm vụ, quyền hạn được giao, vi phạm pháp luật, Điều lệ doanh nghiệp và các quy định tại Quy chế này.

7. Đối với trường hợp người đại diện không tham gia Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, Ban điều hành doanh nghiệp có nghĩa vụ yêu cầu Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, Ban điều hành cung cấp tài liệu, thông tin theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ doanh nghiệp và thực hiện đầy đủ chế độ thông tin (định kỳ, đột xuất), báo cáo Bộ Công Thương theo quy định tại Quy chế này.

8. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và của Bộ Công Thương.

Điều 31. Trách nhiệm và chế độ báo cáo, cung cấp thông tin

1. Báo cáo định kỳ (hàng quý, năm)

Người đại diện căn cứ vào tình hình và số liệu báo cáo của doanh nghiệp, gửi thông tin bằng văn bản báo cáo Bộ Công Thương:

- Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý và 45 ngày kể từ ngày kết thúc năm, người đại diện phải gửi báo cáo về tình hình, kết quả hoạt động kinh doanh, đầu tư, tài chính, hiệu quả sử dụng vốn nhà nước, các rủi ro tiềm ẩn (nếu có) tại doanh nghiệp;

- Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo tài chính kết thúc năm tài chính/báo cáo kiểm toán của doanh nghiệp, người đại diện gửi báo cáo tài chính (Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, thuyết minh báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán) và báo cáo thông tin thường niên;

- Trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo tài chính quý, Người đại diện gửi văn bản đánh giá tóm tắt tình hình hoạt động của doanh nghiệp, sao gửi Bộ Công Thương các báo cáo tài chính của doanh nghiệp;

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc quý, 30 ngày kể từ ngày kết thúc năm, người đại diện gửi báo cáo về tình hình quản trị doanh nghiệp;

- Trong vòng 15 ngày kể từ ngày họp Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng thành viên kết thúc, người đại diện gửi biên bản, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng thành viên;

- Đối với thông tin họp Đại hội đồng cổ đông, ngay khi nhận được thông báo triệu tập, mời họp theo quy định tại Điều lệ doanh nghiệp, người đại diện phải kịp thời gửi văn bản báo cáo và xin ý kiến /đề xuất Bộ Công Thương về chương trình, nội dung họp, các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định, biểu quyết của chủ sở hữu Nhà nước tại doanh nghiệp và các tài liệu liên quan theo quy định của Điều lệ doanh nghiệp để Bộ Công Thương xem xét có ý kiến chỉ đạo.

Đối với công ty đại chúng, ít nhất 15 ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông; đối với doanh nghiệp Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ: ít nhất 30 ngày trước ngày dự kiến họp Đại hội đồng cổ đông, Người đại diện phải gửi

văn bản báo cáo và xin ý kiến/ đề xuất Bộ Công Thương về kế hoạch, chương trình, nội dung họp, các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định, biểu quyết của chủ sở hữu Nhà nước tại doanh nghiệp và các tài liệu liên quan theo quy định của Điều lệ doanh nghiệp để Bộ Công Thương xem xét có ý kiến chỉ đạo;

- Đối với thông tin họp Hội đồng quản trị/ Hội đồng thành viên, chậm nhất sau 01 ngày nhận được thông báo triệu tập, mời họp theo quy định tại Điều lệ doanh nghiệp, người đại diện tham gia Hội đồng quản trị/ Hội đồng thành viên phải gửi báo cáo và văn bản xin ý kiến/ đề xuất Bộ Công Thương về chương trình, nội dung họp, các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định, biểu quyết của chủ sở hữu Nhà nước tại doanh nghiệp và các tài liệu liên quan để Bộ Công Thương xem xét có ý kiến chỉ đạo.

Đối với công ty đại chúng, ít nhất 05 ngày trước ngày họp Hội đồng quản trị; đối với doanh nghiệp Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ: ít nhất 10 ngày trước ngày dự kiến họp Hội đồng quản trị, người đại diện gửi báo cáo và văn bản xin ý kiến/ đề xuất Bộ Công Thương về kế hoạch, chương trình, nội dung họp, các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định, biểu quyết của chủ sở hữu Nhà nước tại doanh nghiệp và các tài liệu liên quan để Bộ Công Thương xem xét có ý kiến chỉ đạo;

- Đối với báo cáo xin ý kiến về nội dung trước khi biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị, họp bất thường khác (không áp dụng với trường hợp xin ý kiến họp Đại hội đồng cổ đông), trong trường hợp không thể đảm bảo thời gian nêu trên do bất khả kháng, người đại diện phải thông báo cho Bộ Công Thương thông qua các phương tiện điện thoại, fax, email... trước thời điểm khai mạc cuộc họp 01 ngày, để Bộ Công Thương có ý kiến kịp thời trước khi họp.

2. Báo cáo bất thường

Người đại diện có trách nhiệm, nghĩa vụ báo cáo đầy đủ, kịp thời cho Bộ Công Thương những thông tin bất thường có ảnh hưởng lớn tới hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp hoặc ảnh hưởng tới lợi ích của doanh nghiệp, của Chủ sở hữu phần vốn nhà nước trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày người đại diện có được các thông tin bất thường của doanh nghiệp như: tài khoản của doanh nghiệp tại ngân hàng bị phong tỏa; doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh; bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép thành lập và hoạt động; có quyết định khởi tố đối với thành viên Hội đồng quản trị/ Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó tổng giám đốc (Phó giám đốc), Kế toán trưởng của doanh nghiệp; có bản án, quyết định của Tòa án liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp; có kết luận kiểm tra, thanh tra của cơ quan thuế, cơ quan kiểm tra, thanh tra, kiểm toán nhà nước và các tranh chấp về tài sản, vốn, đất đai, lao động, các nội dung bất thường khác (nếu có).

3. Báo cáo theo yêu cầu đột xuất

Căn cứ mục đích quản lý, giám sát hoặc yêu cầu của cơ quan chức năng, Bộ Công Thương có thể yêu cầu người đại diện cung cấp các thông tin có liên quan tới tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, về việc đầu tư, tình hình tài

chính của doanh nghiệp. Khi được yêu cầu, người đại diện có trách nhiệm báo cáo đầy đủ các nội dung như yêu cầu của Bộ Công Thương và cơ quan quản lý nhà nước.

4. Hình thức báo cáo

- Người đại diện báo cáo Chủ sở hữu phần vốn nhà nước, các cơ quan quản lý nhà nước bằng văn bản và chịu trách nhiệm trước Chủ sở hữu phần vốn nhà nước, các cơ quan quản lý nhà nước về nội dung đã báo cáo.

- Đối với các thông tin, tài liệu mật, người đại diện thực hiện theo quy định chung của Nhà nước và quy định của Bộ Công Thương.

- Đối với các công việc đột xuất hoặc những vấn đề phát sinh tại cuộc họp cần xin ý kiến chỉ đạo gấp, người đại diện có thể báo cáo thông qua các phương tiện: điện thoại, fax, email để Bộ Công Thương có ý kiến chỉ đạo.

5. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được phân công, người đại diện có trách nhiệm báo cáo, cung cấp thông tin về lĩnh vực, nghiệp vụ, chuyên môn, nội dung cụ thể cho các đơn vị chức năng của Bộ (Vụ, Cục, Tổng cục), là đầu mối thực hiện chức năng chủ sở hữu nhà nước của Bộ Công Thương.

6. Thông tin cho người đại diện

a) Sau khi nhận được văn bản báo cáo và các hồ sơ, tài liệu liên quan của người đại diện, Bộ Công Thương trả lời Người đại diện:

- Đối với họp Đại hội đồng cổ đông: về vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của chủ sở hữu Nhà nước, chậm nhất 03 ngày trước ngày dự kiến họp.

- Đối với họp Hội đồng quản trị/ Hội đồng thành viên: chậm nhất 02 ngày trước ngày dự kiến họp.

Trường hợp không thể đảm bảo thời gian nêu trên do bất khả kháng hoặc do họp bất thường khác, sau khi nhận được thông tin do Người đại diện báo cáo, Bộ Công Thương có trách nhiệm trả lời chậm nhất trước thời điểm khai mạc cuộc họp 01 ngày, để người đại diện thực hiện nghĩa vụ biểu quyết, quyết định hoặc tham gia ý kiến theo quy định tại cuộc họp.

b) Các đơn vị chức năng của Bộ Công Thương (Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo; Vụ Dầu khí và Than; Cục Công nghiệp; Vụ Kế hoạch, Cục Hóa chất, Vụ Tài chính và Đổi mới doanh nghiệp, Vụ Tổ chức cán bộ...) được phân công là đầu mối tổng hợp báo cáo các mặt hoạt động và trực tiếp theo dõi các doanh nghiệp thuộc Bộ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các đơn vị chức năng tổng hợp trình Lãnh đạo Bộ xem xét quyết định và trả lời các kiến nghị, đề xuất của người đại diện.

Điều 32. Tiền lương, thưởng và quyền lợi khác của người đại diện

1. Người đại diện là thành viên chuyên trách trong ban quản lý, điều hành tại doanh nghiệp được hưởng tiền lương, thù lao và lợi ích khác (nếu có) theo kết quả quản lý, điều hành doanh nghiệp, kết quả và hiệu quả sản xuất kinh doanh quy định về tiền lương, thưởng tại Điều lệ doanh nghiệp và quy định pháp luật.

Trường hợp người đại diện là thành viên chuyên trách quản lý, điều hành tại doanh nghiệp kiêm nhiệm nhiều chức danh thì chỉ được nhận tiền lương của một chức danh cao nhất.

2. Người đại diện là thành viên kiêm nhiệm không chuyên trách trong ban quản lý, điều hành tại doanh nghiệp thì được hưởng chế độ thù lao theo công việc, thời gian làm việc và phụ cấp, tiền thưởng, các quyền lợi khác (nếu có) theo quy định pháp luật.

Chủ sở hữu quyết định mức và chi trả thù lao căn cứ vào mức độ hoàn thành nhiệm vụ và quy định pháp luật hiện hành.

Chương VII

TỪ CHỨC, MIỄN NHIỆM ĐỐI VỚI NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC, KIỂM SOÁT VIÊN VÀ THÔI LÀM ĐẠI DIỆN PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC

Điều 33. Từ chức

1. Bộ Công Thương xem xét chấp thuận từ chức đối với người quản lý doanh nghiệp nhà nước, Kiểm soát viên thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Tự nguyện xin thôi giữ chức vụ để chuyển giao vị trí lãnh đạo;
- b) Do tự nhận thấy không đủ tiêu chuẩn, điều kiện, sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ được giao hoặc vị trí công tác không phù hợp;
- c) Vì lý do cá nhân khác.

2. Người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên không được từ chức nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Đang đảm nhận nhiệm vụ quốc phòng, an ninh quốc gia; nhiệm vụ trọng yếu, cơ mật; nhiệm vụ phòng chống thiên tai, dịch bệnh mà việc từ chức sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích chung;
- b) Đang trong thời gian chịu sự thanh tra, kiểm tra, điều tra của cơ quan chức năng có thẩm quyền theo quy định của Đảng và pháp luật.

3. Quy trình xem xét chấp thuận từ chức:

a) Chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày nhận đơn xin từ chức của người quản lý doanh nghiệp nhà nước, Kiểm soát viên, Vụ Tổ chức cán bộ phải trao đổi với nhân sự có đơn xin từ chức. Trường hợp nhân sự rút đơn thì dừng việc xem xét; trường hợp nhân sự không rút đơn thì Vụ Tổ chức cán bộ xem xét, thực hiện như sau:

- Lấy ý kiến bằng văn bản của cấp ủy cùng cấp về nhân sự có đơn xin từ chức.

- Báo cáo Thứ trưởng phụ trách, Bộ trưởng Bộ Công Thương, sau đó báo cáo Ban Cán sự đảng Bộ Công Thương.

b) Chậm nhất sau 15 ngày kể từ ngày Vụ Tổ chức cán bộ có văn bản đề xuất, Ban Cán sự đảng Bộ Công Thương phải thảo luận, biểu quyết bằng phiếu

kín. Việc quyết định chấp thuận đề người quản lý doanh nghiệp nhà nước, Kiểm soát viên từ chức phải được trên 50% tổng số thành viên Ban Cán sự đảng Bộ Công Thương đồng ý; trường hợp nhân sự đạt tỷ lệ 50% trở xuống thì do Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định.

4. Khi đơn xin từ chức chưa được cấp có thẩm quyền đồng ý thì người quản lý doanh nghiệp nhà nước, Kiểm soát viên vẫn phải tiếp tục thực hiện chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

5. Người quản lý doanh nghiệp nhà nước, Kiểm soát viên sau khi có quyết định chấp thuận từ chức được bố trí công tác phù hợp với năng lực, sở trường, trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ được đào tạo; được bảo lưu lương chức vụ, chức danh theo quy định hiện hành đến hết thời hạn giữ chức vụ.

Điều 34. Miễn nhiệm

1. Cấp có thẩm quyền xem xét, miễn nhiệm chức vụ của người quản lý doanh nghiệp nhà nước, Kiểm soát viên trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn, điều kiện của người quản lý doanh nghiệp nhà nước theo quy định của pháp luật;

b) Có hai năm liên tiếp xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ;

c) Bị xử lý kỷ luật chưa đến mức cách chức nhưng do yêu cầu nhiệm vụ công tác cần phải thay thế;

d) Bị xử lý kỷ luật khiển trách hoặc cảnh cáo hai lần trong cùng một nhiệm kỳ bổ nhiệm;

đ) Bị cơ quan có thẩm quyền kết luận vi phạm quy định của Đảng về bảo vệ chính trị nội bộ;

e) Các lý do miễn nhiệm khác theo quy định của Đảng và pháp luật.

2. Quy trình xem xét miễn nhiệm chức vụ đối với người quản lý doanh nghiệp nhà nước, Kiểm soát viên:

a) Khi có đủ căn cứ miễn nhiệm chức vụ quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan tham mưu đề xuất với cấp có thẩm quyền theo phân cấp quản lý cán bộ;

b) Chậm nhất sau 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề xuất việc miễn nhiệm của Vụ Tổ chức cán bộ, Ban Cán sự đảng Bộ Công Thương tiến hành thảo luận, biểu quyết bằng phiếu kín. Việc quyết định chấp thuận đề người quản lý doanh nghiệp nhà nước, Kiểm soát viên miễn nhiệm phải được trên 50% tổng số thành viên Thành viên Ban Cán sự đảng Bộ Công Thương đồng ý; trường hợp nhân sự đạt tỷ lệ 50% trở xuống thì do Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định.

3. Người quản lý doanh nghiệp nhà nước, Kiểm soát viên bị miễn nhiệm không được hưởng lương theo chức vụ, chức danh kể từ ngày có quyết định miễn nhiệm. Người quản lý doanh nghiệp nhà nước, Kiểm soát viên sau khi bị miễn nhiệm, cấp có thẩm quyền bố trí công tác phù hợp; cá nhân có trách nhiệm chấp hành quyết định phân công của cấp có thẩm quyền. Trường hợp miễn nhiệm do

xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ trong hai năm liên tiếp thì cấp có thẩm quyền giải quyết cho thôi việc theo quy định của pháp luật.

4. Giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến việc miễn nhiệm

a) Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến việc miễn nhiệm chức vụ đối với người quản lý doanh nghiệp nhà nước, Kiểm soát viên thực hiện theo quy định của Đảng, Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo;

b) Trong khi chưa có quyết định giải quyết khiếu nại, tố cáo thì các tổ chức, cá nhân có liên quan phải thi hành quyết định miễn nhiệm của cấp có thẩm quyền;

c) Trong thời hạn 30 ngày kể từ khi có đủ cơ sở kết luận việc miễn nhiệm chức vụ là sai thì cấp có thẩm quyền phải có quyết định bố trí lại chức vụ và giải quyết các quyền lợi hợp pháp liên quan đến chức vụ cũ của người quản lý doanh nghiệp nhà nước, Kiểm soát viên.

Điều 35. Cho thôi đại diện phần vốn nhà nước

1. Bộ Công Thương xem xét cho thôi làm người đại diện phần vốn nhà nước thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Có đơn xin thôi làm người đại diện phần vốn nhà nước trước thời hạn và được cơ quan chủ sở hữu đồng ý;

b) Cơ quan chủ sở hữu hết vốn tại doanh nghiệp;

c) Không còn đủ tiêu chuẩn, điều kiện của người đại diện phần vốn nhà nước theo quy định của pháp luật;

d) Có hai năm liên tiếp xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ;

đ) Bị xử lý kỷ luật khiển trách hoặc cảnh cáo hai lần trong cùng một thời hạn làm người đại diện phần vốn nhà nước;

e) Bị cơ quan có thẩm quyền kết luận vi phạm quy định của Đảng về bảo vệ chính trị nội bộ;

g) Các lý do cho thôi làm người đại diện phần vốn nhà nước khác theo quy định của Đảng và pháp luật.

2. Quy trình xem xét cho thôi đại diện phần vốn nhà nước:

a) Chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày nhận đơn xin thôi làm người đại diện phần vốn nhà nước trước thời hạn hoặc có đủ căn cứ cho thôi đại diện vốn nhà nước quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan tham mưu đề xuất với cấp có thẩm quyền theo phân cấp quản lý cán bộ;

b) Chậm nhất sau 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề xuất việc cho thôi làm đại diện phần vốn nhà nước của Vụ Tổ chức cán bộ, Ban Cán sự đảng Bộ Công Thương tiến hành thảo luận, biểu quyết bằng phiếu kín. Việc quyết định cho thôi làm người đại diện phần vốn nhà nước phải được trên 50% tổng số thành viên Ban Cán sự đảng Bộ Công Thương đồng ý; trường hợp nhân sự đạt

tỷ lệ 50% trở xuống do Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định.

3. Người đại diện phần vốn nhà nước sau khi thôi đại diện phần vốn nhà nước, cấp có thẩm quyền bố trí công tác phù hợp; cá nhân có trách nhiệm chấp hành quyết định phân công của cấp có thẩm quyền; trường hợp cá nhân tự nguyện xin nghỉ hưu, thôi việc thì được giải quyết theo quy định hiện hành. Trường hợp cho thôi đại diện vốn nhà nước do xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ trong hai năm liên tiếp thì cấp có thẩm quyền giải quyết cho thôi việc theo quy định của pháp luật.

4. Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến việc cho thôi làm người đại diện phần vốn nhà nước:

a) Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến cho thôi làm người đại diện phần vốn nhà nước thực hiện theo quy định của Đảng, Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo;

b) Trong khi chưa có quyết định giải quyết khiếu nại, tố cáo thì các tổ chức, cá nhân có liên quan phải thi hành quyết định cho thôi đại diện vốn nhà nước của cấp có thẩm quyền;

c) Trong thời hạn 30 ngày kể từ khi có đủ cơ sở kết luận việc cho thôi đại diện vốn nhà nước là sai thì cấp có thẩm quyền phải có quyết định bố trí công tác và giải quyết các quyền lợi hợp pháp liên quan của người đại diện phần vốn nhà nước.

Chương VIII

KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC, KIỂM SOÁT VIÊN, NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC

Điều 36. Khen thưởng

Người quản lý doanh nghiệp nhà nước, Kiểm soát viên, người đại diện phần vốn nhà nước có thành tích hoặc quá trình cống hiến thì được khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng.

Điều 37. Kỷ luật

Nguyên tắc, thời hiệu, thời hạn, xử lý kỷ luật, hình thức kỷ luật và mức độ của hành vi vi phạm, các trường hợp chưa xem xét kỷ luật và miễn trách nhiệm kỷ luật, trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật của người quản lý doanh nghiệp nhà nước, Kiểm soát viên, người đại diện phần vốn nhà nước quy định từ Điều 56 đến Điều 73 Chương VIII Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Điều 38. Trách nhiệm bồi thường, hoàn trả của người quản lý doanh nghiệp nhà nước, Kiểm soát viên, người đại diện phần vốn nhà nước

Người quản lý doanh nghiệp nhà nước, Kiểm soát viên, người đại diện

phần vốn nhà nước có hành vi vi phạm pháp luật mà gây thiệt hại đến kinh tế, tài sản của Nhà nước, doanh nghiệp thì phải có trách nhiệm bồi thường, hoàn trả theo quy định của pháp luật.

Chương IX

THỦ TỤC NGHỈ HƯU, QUẢN LÝ HỒ SƠ ĐỐI VỚI NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC, KIỂM SOÁT VIÊN, NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC

Điều 39. Xác định thời điểm nghỉ hưu

1. Thời điểm nghỉ hưu là ngày 01 của tháng liền kề sau tháng người quản lý doanh nghiệp nhà nước, Kiểm soát viên, người đại diện phần vốn nhà nước đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định.

Trường hợp trong hồ sơ của người quản lý doanh nghiệp nhà nước, Kiểm soát viên, người đại diện phần vốn nhà nước không ghi rõ ngày, tháng sinh trong năm thì thời điểm nghỉ hưu là ngày 01 tháng 01 của năm liền kề sau năm người quản lý doanh nghiệp nhà nước, Kiểm soát viên, người đại diện phần vốn nhà nước đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định.

2. Thời điểm nghỉ hưu được lùi theo một trong các trường hợp sau:

a) Không quá 01 tháng đối với một trong các trường hợp thời điểm nghỉ hưu trùng với ngày nghỉ Tết Nguyên đán; vợ (hoặc chồng), bố, mẹ chồng (hoặc bố, mẹ vợ), con của người quản lý doanh nghiệp nhà nước, người đại diện phần vốn nhà nước từ trần hoặc bị Tòa án tuyên bố mất tích; bản thân và gia đình bị thiệt hại do thiên tai, địch họa, hỏa hoạn;

b) Không quá 03 tháng đối với một trong các trường hợp bị bệnh nặng hoặc bị tai nạn có giấy xác nhận của bệnh viện;

c) Không quá 06 tháng đối với trường hợp đang điều trị bệnh thuộc danh mục bệnh cần chữa trị dài ngày do Bộ Y tế ban hành, có giấy xác nhận của bệnh viện.

3. Người quản lý doanh nghiệp nhà nước, Kiểm soát viên, người đại diện phần vốn nhà nước được lùi thời điểm nghỉ hưu thuộc nhiều trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này thì chỉ được thực hiện theo quy định đối với một trường hợp có thời gian lùi thời điểm nghỉ hưu nhiều nhất.

4. Cấp có thẩm quyền quyết định việc lùi thời điểm nghỉ hưu theo quy định tại khoản 2 Điều này, trừ trường hợp người quản lý doanh nghiệp nhà nước, Kiểm soát viên, người đại diện phần vốn nhà nước không có nguyện vọng lùi thời điểm nghỉ hưu.

Điều 40. Thông báo và quyết định nghỉ hưu

1. Trước 06 tháng tính đến thời điểm nghỉ hưu theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Quy chế này, cấp có thẩm quyền phải ra thông báo bằng văn bản về việc nghỉ hưu. Việc ra thông báo về thời điểm nghỉ hưu của người quản lý doanh nghiệp nhà nước, Kiểm soát viên, người đại diện phần vốn nhà nước được quy

định như sau:

a) Cơ quan đại diện chủ sở hữu ra thông báo nghỉ hưu đối với Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, người đại diện phần vốn nhà nước;

b) Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty ra thông báo nghỉ hưu đối với thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Giám đốc, Phó tổng giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng.

2. Trước 03 tháng tính đến thời điểm người quản lý doanh nghiệp nhà nước, Kiểm soát viên, người đại diện phần vốn nhà nước nghỉ hưu theo quy định, cơ quan đại diện chủ sở hữu hoặc doanh nghiệp phải ban hành quyết định nghỉ hưu theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền ban hành quyết định nghỉ hưu.

Điều 41. Quản lý hồ sơ

1. Vụ Tổ chức cán bộ lưu giữ và quản lý hồ sơ cá nhân của người quản lý doanh nghiệp nhà nước, kiểm soát viên và người đại diện theo phân cấp quản lý và thực hiện như lưu giữ hồ sơ đối với công chức.

2. Hàng năm, doanh nghiệp thực hiện công tác thống kê, bổ sung hồ sơ của người đại diện như quy định đối với công chức để gửi Vụ Tổ chức cán bộ Bộ Công Thương lưu giữ vào hồ sơ cá nhân theo quy định.

Chương X TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 42. Các doanh nghiệp thuộc Bộ Công Thương

Căn cứ vào Quy chế quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp do Bộ Công Thương là cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước, thủ trưởng các doanh nghiệp thuộc Bộ Công Thương có trách nhiệm:

1. Tổ chức quán triệt cho người quản lý doanh nghiệp, cán bộ, công nhân viên và người lao động của doanh nghiệp thực hiện Quy chế này.

2. Trên cơ sở Quy chế quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp do Bộ Công Thương là cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước, các Tổng công ty, công ty xây dựng quy chế cụ thể đối với người quản lý doanh nghiệp, cán bộ, công nhân viên và người lao động của doanh nghiệp làm cơ sở xây dựng thực hiện công tác cán bộ tại cơ quan, đơn vị.

3. Các tổng công ty, công ty, các đơn vị thuộc Bộ, người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm tuân thủ và tổ chức thực hiện theo đúng các nội dung quy định tại Quy chế này.

Điều 43. Các đơn vị khác thuộc Bộ

1. Vụ Tổ chức cán bộ chịu trách nhiệm triển khai, hướng dẫn, kiểm tra,



giám sát việc thực hiện Quy chế này; chủ trì, phối hợp với các Vụ, Cục, Tổng cục, Thanh tra Bộ, Văn phòng Bộ giúp Lãnh đạo Bộ thực hiện công tác quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp trong việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao.

2. Thanh tra Bộ, Văn phòng Bộ, các Vụ, Cục, Tổng cục và các tổ chức liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện Quy chế này.

Điều 44. Quy định chuyển tiếp

1. Đối với các trường hợp đang thực hiện các nội dung về công tác cán bộ trước ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 4676/QĐ-BCT ngày 30 tháng 11 năm 2016 và các quy định hiện hành.

2. Đối với các hành vi vi phạm của người quản lý doanh nghiệp nhà nước, Kiểm soát viên, người đại diện phần vốn nhà nước được xem xét, xử lý trước ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục áp dụng quy định của pháp luật hiện hành để xử lý; đối với các hành vi vi phạm xảy ra sau ngày Quy chế này có hiệu lực thì áp dụng quy định của Quy chế này.

Điều 45. Những vấn đề phát sinh trong tổ chức thực hiện

Trong quá trình triển khai thực hiện Quy chế này, nếu có phát sinh vướng mắc, các đơn vị, doanh nghiệp và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp phản ánh kịp thời về Bộ Công Thương (thông qua Vụ Tổ chức cán bộ) để tổng hợp báo cáo Bộ trưởng xem xét, quyết định./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Cao Quốc Hưng

